| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BỐ TRẠCH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
V/v: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH - QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Ông Châu Mạnh Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa***: Đinh Văn Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 24/2019/TLST - HNGĐ ngày 13/02/2019 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978, địa chỉ: thôn Kh, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Bị đơn: Anh Phạm Bá Ng, sinh năm 1978, địa chỉ: thôn Kh, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị L trình bày*: Chị và anh Phạm Bá N có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/1999 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N đánh đập chị, xúc phạm chị cũng như gia đình. Từ đầu năm 2009 vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Bá N. Về con chung, chị Nguyễn Thị L trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 17/11/2000 và Phạm Thị Kiều O, sinh ngày 14/01/2006. Sau khi ly hôn cháu H đã trưởng thành không đặt ra vấn đề nuôi

dưỡng, riêng cháu O còn nhỏ chị có nguyện vọng được nuôi cháu không yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày vợ chồng tự thoả thuận phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2019, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Phạm Bá N trình bày:* Anh và chị L có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/1999 tại UBND xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N uống rượu về thường gây gỗ với chị L và cũng có lần đánh chị. Từ đầu năm 2009 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày nguyện vọng của anh là nếu ly hôn vợ muốn nuôi con thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung, anh N trình bày vợ chồng tự thoả thuận phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo biên bản xác minh ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại Hội liệp hiệp phụ nữ xã H nơi chị L và anh N đăng ký thường trú.*

Hội liên hiệp phụ nữ xã H cho biết vợ chồng chị L anh N sống ly thân đã lâu, hai vợ chồng mỗi người mỗi nơi, chị L đã vào Nam làm ăn từ năm 2009 đến nay.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh N; Giao con Phạm Thị Kiều O, sinh ngày 14/01/2006 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con và sau này có quyền làm đơn đến Tòa án để đề nghị xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Bá N, căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 36, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Bá N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/1999 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường uống rượu về gây gỗ đánh đạp chị L, xúc phạm chị L cũng như gia đình chị. Từ đầu năm 2009 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Lời trình bày của chị L đúng với lời trình bày của anh N tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2019, biên bản hoà giải. Tại phiên toà, chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, và được trực tiếp nuôi con. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã triệu tập hoà giải đến nay tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện. Xét hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 17/11/2000 và Phạm Thị Kiều O, sinh ngày 14/01/2006. Sau khi ly hôn cháu Huyền đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng riêng cháu Oanh đang còn nhỏ chị L có nguyện vọng được nuôi cháu không yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình. Anh N cũng đồng ý với nguyện vọng của chị L. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, cháu O còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Phạm Thị Kiều O cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó áp dụng Điều 58 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị L được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Thị Kiều O. Anh N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và các Điều 273, 275 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 56, và các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Bá N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Kiều O, sinh ngày 14/01/2006 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con và

sau này có quyền làm đơn đến Tòa án để đề nghị xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị L, anh N thống nhất trình bày vợ chồng tự thoả thuận phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0003037 ngày 13/02/2019. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2019) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Châu Mạnh Cường**

**Nơi nhận:**
- TA tỉnh Quảng Bình.
- VKS B.
- THADS B.
- UBND xã H;
- Các đương sự
- Lưu HS, VP TA.